

TỔ CHỨC ĐIỂM NÓI TRONG LỜI NÓI VÒNG VO

TS NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH

Abstract: Circumlocution has an organization of words which almost reached the ideal condition because it has a means of effective expression, which is *point of circumlocution*. They are the storage points of the most important information but the signification of the rest utterances depends on those storage. There are *overt points of circumlocution* as well as *covert points of circumlocution*. They may be the language factors, presuppositions or connotations. They exist in conversations as casted anchor in the middle of speech to unite events between *this thing* and *others*, interpersonal relation, the situation of space, time and dialogue process. From the points of circumlocution, the organization of language, content, structure, forms and strategies of circumlocution are revealed and identified and the encoding and decoding of circumlocution are therefore elucidated.

Key words: *circumlocution, overt point of circumlocution, covert point of circumlocution, this thing, the other thing, conversational utterances.*

1. Dẫn nhập

Trong [5a], [5b], [5c], [5d], lời nói vòng vo (LNVV) đã được chúng tôi xem xét và mô tả từ nhiều bình diện khác nhau để trả lời cho những câu hỏi về lí do, mục đích, cấu trúc, cách thức và chiến lược nói xoay quanh ba tham số quan trọng: *điều khác, điều này và dẫn dắt*.

Ở bài viết này, LNVV sẽ được chúng tôi tiếp tục xem xét từ góc độ xử lí các phương tiện ngôn từ nhằm giải đáp những câu hỏi: Việc tổ chức câu chữ trong quá trình xác lập các *điểm nói vòng* của LNVV là như thế nào? Đây là dấu hiệu nhận diện cùng những đặc điểm trong cơ chế hoạt động của *điểm nói vòng*?

2. Tổ chức các điểm nói trong ngôn thoại của lời nói vòng vo

Nói có bản chất là một hành vi tác động. Sản phẩm chung của quá trình tác động tương tác ấy giữa hai nhân vật giao tiếp là diễn ngôn (discourse). Diễn ngôn là sự hợp thành của những lượt lời, những phát ngôn hội thoại mà chúng tôi gọi tắt là ngôn thoại (conversational utterances). Ngôn thoại luôn hàm chứa hai loại thông tin: thông tin sự kiện và thông tin ngữ dụng.

Thông tin sự kiện (factual information) là loại thông tin phản ánh về hiện thực - đề tài, yếu tố khách quan được nói tới trong ngôn thoại. Đây là loại thông tin nổi trên bề mặt của lời và được tổ chức theo những đường hướng nhất định và theo những

mối quan hệ sự kiện được xác lập trong lời. Đó chính là *khung* sự kiện - cái nền của ngôn thoại.

Còn thông tin ngữ dụng (pragmatic information) là loại thông tin chìm, ẩn giấu đằng sau ngữ nghĩa câu chữ của lời, phản ánh cái nội dung định/cần/ muốn diễn đạt, tức cái ý *định nói* (utterance intention) trong mối liên hệ với thoạ trường, với ngữ huống và với chính bản thân người đối thoạ.

Vấn đề làm thế nào để truyền ý *định nói* (utterance intention) tới người đối thoạ? Để hiểu điều đó, rõ ràng chúng ta phải tìm tới cơ chế biểu hiện của LNVV mà khâu quan yếu nhất trực tiếp chi phối cách thức biểu hiện của lời nói này, đó chính là *điểm nói vòng*.

2.1. Điểm nói vòng là gì?

Trong ngôn thoạ, hai loại thông tin *nổi* và thông tin *chìm* chính là sản phẩm của những cách thức tổ chức và những phương tiện biểu hiện nhất định. Một trong những phương tiện tạo nên cách thức biểu hiện đó chính là những điểm nói ở LNVV, để phân biệt với những điểm nói trong những lời nói khác, chúng tôi gọi đó là *điểm nói vòng* (point of circumlocution).

Vậy *điểm nói vòng* là gì? Quan sát thí dụ: (Từ đây, các quy ước được sử dụng: A = người nói; B = người nghe. Khi hội thoạ thì A, B luân chuyển vai trò nhưng vẫn giữ nguyên kí hiệu và được đánh số theo thứ tự xuất hiện các lượt lời: A_{1, 2, 3, ..., n}; B_{1, 2, 3, ..., n})

(1) Vào một mùa đông, Nguyễn Tuân đang ở thăm Nga. Suốt ngày, ông ở nhà chẳng đi đâu cả. Có hướng dẫn viên tỏ ý ái ngại vì chưa làm tròn

nhiệm vụ. *Biết vậy, ông đề nghị cô cho đi xem sở thú:*

A₁ - *Này, cô biết tôi đến sở thú để xem cái gì không?*

B₁ - *Dạ... Có hướng dẫn viên chưa biết nên trả lời thế nào. Nhà văn tiếp lời:*

A₂ - *Chà là dạo trước, Việt Nam chúng tôi có tặng vườn bách thú của các đồng chí mấy chú voi... Bây giờ tôi muốn đi tới đó để tận mắt xem mấy chú voi ấy đang đứng giữa mùa đông Nga mà buồn nhớ quê nhà như thế nào?*

(Thái Doãn Hiểu - Hoàng Liên, *Giai thoạ nhà văn Việt Nam*, tr.498)

Trong tình thế của cuộc thoạ này, rõ ràng A đang có nhu cầu bộc lộ và ở vào một thời điểm có tính đánh dấu của thoạ trường, của ngữ huống. A₁ có điểm hỏi *cô biết tôi đến sở thú để xem cái gì không?*. Về logic, cấu trúc "*biết P không?*", tương đương với câu hỏi "*biết P hay là không biết P?*". Nếu lấy về sau làm câu hỏi phủ định "*không biết P à?*" thì tiền giả định của câu hỏi này là "*cô không biết P*". Do vậy, trong bất cứ trường hợp nào, thông tin ngữ dụng của nó cũng là "*tôi muốn cô biết P*". Nhưng P là gì thì A chưa biết. Nhằm được điều ấy, A tận dụng quyền lực quan hệ và khoảng cách xã hội để thực hiện chiến lược đặt câu hỏi, đưa người nghe vào một bối cảnh tình thế, vào một môi trường tác động. Vậy, câu hỏi ở đây không phải để tìm kiếm thông tin hay kiểm tra thông tin, kiểm tra nhận thức, mà thực chất nhằm tạo dựng một điểm nói để thực hiện chiến lược dẫn dắt.

Trong thực tế chúng ta gặp nhiều trường hợp sử dụng kiểu cấu trúc câu hỏi loại này. Việc hỏi này không nhằm mục đích tìm kiếm thông tin mà chủ yếu để tác động vào mối quan hệ liên cá nhân giữa các đối tác. Do đó, khi thiết lập được *đường kênh* để thông tin sự kiện - cái *điều này* hoạt động thì chính việc tổ chức các điểm nói trong *điều này* mới là quan trọng. Ở đây A₂ với phần quan trọng nhất là chuỗi từ ngữ: *tận mắt xem máy chủ voi ấy đang đứng giữa mùa đông Nga mà buồn nhớ quê nhà như thế nào?* có khả năng dẫn xuất tới một thông tin ngữ dụng nhờ sự quy chiếu với tình thế, đó là *ý định nói*: *Nhà văn đang ở trong tâm trạng buồn nhớ quê nhà*. Vậy, đây chính là điểm nói vòng. Qua đó, việc nhận diện được nó được xác định bởi các phương tiện từ ngữ hay cấu trúc câu có tính định hướng, nổi bật, chi phối sự tiếp nhận *điều khác* ở trong ngôn thoại vì chúng biểu hiện đối tượng hoặc sự kiện theo những kiểu quan hệ cụ thể tùy thuộc vào điều kiện tình thế, vào chính người đối thoại.

Từ đây, có thể rút ra định nghĩa: *Điểm nói vòng* (point of circumlocution) là những chuỗi từ/ phát ngôn/ chuỗi phát ngôn chiếm giữ vị trí quan yếu nhất trong tổ chức nội dung ngữ nghĩa của *điều này* mà ở đó sự tiếp nhận *điều khác* đối với người nghe phụ thuộc vào đó.

Qua định nghĩa và quan sát hoạt động của điểm nói vòng trong các ngữ liệu được thu thập, chúng tôi thấy điểm nói vòng có 5 vai trò chi phối:

1) Làm nền cho sự lựa chọn các từ ngữ để đưa vào khung sự kiện của *điều này*.

2) Tạo điểm nhấn thông tin, thu hút đối tác vào môi trường tác động.

3) Đặt cơ sở để các chiến lược dẫn dắt triển khai theo các phương thức hiện hiện hay ngầm ẩn đối với *điều khác*.

4) Tạo điều kiện cho ý định nói của các đối tác giao tiếp được bộc lộ hay giữ kín.

5) Giúp xác định phương hướng của sự tương tác và duy trì quan hệ liên cá nhân trong vận động hội thoại.

Cả 5 vai trò này đều có ý nghĩa làm nên cách tổ chức và những phẩm chất rất riêng trong hoạt động lập mã và giải mã của lối nói vòng. Chính vì vậy, sự tồn tại của các điểm nói vòng ấy trong ngôn thoại là điều hiển nhiên và mang tính xác định. Nói cách khác, ngôn thoại là môi trường tồn tại của các điểm nói vòng.

2.2. Ngôn thoại - môi trường tồn tại của điểm nói vòng

Điểm nói vòng là công cụ, là phương tiện của các chiến lược nói trong LNVV. Khi chiến lược nói được thực hiện thì đồng thời các điểm nói vòng cũng xuất hiện trong ngôn thoại. Do hoạt động trong môi trường tương tác, ngôn thoại này được thể hiện cụ thể thông qua hệ tôn ti hội thoại với đơn vị cơ sở là phát ngôn hội thoại nên chúng ta có thể xác định được môi trường tồn tại của điểm nói vòng.

Nói phát ngôn hội thoại là nói phát ngôn luôn gắn với một ngữ hướng nhất định. Đó là: "Phát ngôn được tạo ra nhằm diễn đạt ý kiến của mình nhưng lại xuất phát từ và bị lệ thuộc

vào bối cảnh của hội thoại nhất định” [4, 308]. Qua những bình diện ngôn ngữ của phát ngôn, người ta có thể thấy được nội dung và các kiểu cấu trúc của phát ngôn.

Ở LNVV, phát ngôn được người nói dùng chuyên đạt các nội dung thông tin định/ cần/ muốn nói, đó là cái *điều khác* thông qua một *điều này* cụ thể. *Điều này* ấy lại do một hoặc một số điểm nói nào đó chiếm giữ phần thông tin quan yếu trong toàn bộ nội dung của phát ngôn hay của diễn ngôn. Đó chính là các *điểm nhấn*, các *mút lời* mà về mặt nhận diện, chúng ta có thể phân biệt được mức độ nhiều/ ít cách thức biểu hiện ẩn/ hiện về *điều này*.

Qua đó có thể thấy rằng, khi lựa chọn hình thức phát ngôn trong mỗi lượt lời, các thoại nhân đều lưu ý đến cách thức tổ chức, sắp xếp chuỗi từ/ chuỗi lời có khả năng tham gia vào việc biểu thị nội dung của *điều này*. Và yếu tố nào được dự kiến hợp lý nhất, phục vụ cho ý đồ dắt dẫn *điều khác* có hiệu quả nhất thì mới được chọn. Từ đó dẫn tới những hệ luận:

1) Điểm nói vòng là nơi chứa thông tin quan trọng nhất mà ý nghĩa phần còn lại của ngôn thoại phụ thuộc vào đó.

2) Điểm nói vòng chỉ tồn tại trong môi trường của phát ngôn và hệ tôn ti hội thoại. Nói cách khác, phát ngôn, một mặt, vừa có cấu trúc ngữ nghĩa - ngữ pháp của chính nó, một mặt khác, vừa có cấu trúc ngữ dụng với những chỉ báo khả tín nhằm biểu đạt một nội dung phù hợp với nhu cầu diễn đạt *điều khác* của người nói. Rõ

ràng phát ngôn là đơn vị cơ sở, là phạm vi của các điểm nói vòng hoạt động². Hơn nữa, trong hội thoại, mỗi lượt lời không chỉ có một phát ngôn mà có khi nhiều phát ngôn hợp thành các đơn vị của hệ tôn ti hội thoại như cuộc thoại, đoạn thoại, cặp thoại, tham thoại, hành động ở lời. Vậy thì phát ngôn là cái *lời*, cái xương sống của hội thoại. Do thế, có thể coi điểm nói vòng là hạt nhân của cái *lời*, cái xương sống ấy. Qua đó có thể khẳng định phát ngôn, hệ tôn ti hội thoại là môi trường tồn tại của điểm nói vòng.

2.3. Các loại điểm nói vòng trong ngôn thoại

Trong [5a], 3 tham tố quan yếu của LNVV là *điều này* (*this thing*), *điều khác* (*the other thing*) và *dẫn dắt* (*guiding*) đã được xác định và mô tả. Mà *điều này*, như đã giới thuyết, nó là *sự kiện*, là *hiện thực*, là *lớp vỏ bọc của ý định giao tiếp được phản ánh vào trong lời*. Điều đó đồng nghĩa với việc các chiến lược nói được vật chất hóa thành hình hài câu chữ của lời. Biểu hiện cụ thể nhất là ở các *điểm nói vòng* - cái mà các đối tác giao tiếp có thể nghe thấy, nhận thấy phần trọng điểm, trọng tâm thông tin ở những vùng, khu vực nhất định của phát ngôn/ chuỗi phát ngôn, nhờ vào sự chiếu xạ với hiện thực được nói đến và với tình thế, với ngữ huống.

Xét về cách thức biểu hiện, những điểm nói vòng có thể hiển lộ trên lời hoặc ẩn chìm trong lời. Dựa vào đặc điểm này, các điểm nói được phân chia và mô tả theo hai loại:

1) Điểm nói vòng hiển lộ trên lời, gọi tắt là *điểm nói vòng hiện*;

2) Điểm nói vòng ẩn chìm trong lời, gọi tắt là *điểm nói vòng ẩn*.

2.3.1. Điểm nói vòng hiện

Quá trình hội thoại, khi thực hiện các chiến lược của LNVV, điều tiên quyết là phải tìm thấy những cơ sở để xây dựng *điều này*. Đó có thể là những yếu tố cá nhân hay những yếu tố xã hội như gia đình, dân tộc, tuổi tác, giới tính, tài sản, trạng thái thể chất, trạng thái tinh thần, tính chất giáo dục, v.v... Nghĩa là phải có những yếu tố khách quan và có những yếu tố chủ quan. Chúng chi phối cách tổ chức *điều này* trong những tình huống nói năng cụ thể. Ta quan sát thí dụ:

(2) Trong lần hẹn đầu tiên, đang nói chuyện, chợt cô gái hỏi chàng trai:

A₁ - Hình như anh đang học thêm môn Anh văn phải không?

B₁ - Sao em biết hay thế?

A₂ - Vì thấy chỗ nào anh cũng hay sờ sờ. Làm em nhột quá!

(Báo Lao Động)

Đây là trường hợp dùng câu hỏi mà các từ ngữ trong điểm hỏi *anh đang học thêm môn Anh văn phải không?* với yêu cầu là một sự xác tín, một khảo nghiệm. Vì thế, nếu thêm vào yếu tố từ ngữ biểu thị tình thái *hình như* thì cái ý riêng tư của yếu tố tình thái này sẽ làm cho cấu trúc toàn câu hỏi *hình như anh đang học thêm môn Anh văn phải không?* chuyển thành việc tìm kiếm một sự xác nhận. Vì vậy, có thể hỏi khẳng định hay phủ định điểm hỏi "*đang P/ không đang P*". Hành vi hỏi đáp *B₁* có hiệu lực gián tiếp là lời khẳng định, tức

là đáp ứng yêu cầu được xác nhận của A. Đây chính là điểm nói vòng thứ nhất.

Sau khi điểm nói này được tiếp nhận, A tổ chức tiếp điểm nói vòng thứ hai: *Chỗ nào anh cũng hay sờ sờ* mà từ ngữ *sờ sờ* tạo ra mối quan hệ đồng nhất giữa những hành động, động tác phát âm tiếng Anh với hành động, động tác của chàng trai được quy chiếu trong thời điểm nói. Vậy thì *A₁* và cả phát ngôn *r₂* của *A₂* đều là những điểm nói vòng, bởi chúng chi phối sự tiếp nhận của người nghe về *điều này* khi suy luận để hiểu ra *điều khác: anh hãy chấm dứt ngay hành vi thiếu lịch sự và thiếu nhã nhặn đó*.

Từ sự phân tích trên, chúng ta đi đến định nghĩa: *Điểm nói vòng hiện (overt point of circumlocution)* là điểm được tạo nên trong phát ngôn chi phối phần còn lại của *điều này* mà ở đó các phương tiện từ ngữ thể hiện đều hiện rõ lên bề mặt hình thức của ngôn thoại, người nghe phải dựa vào đó để tiếp nhận được *điều khác*.

Định nghĩa này cho thấy, khác với tính chất hiển hiện của những lối nói khác, ở LNVV, các phương tiện đảm nhận hiện rõ trên bề mặt phát ngôn/ ngôn thoại phải đảm bảo điều kiện thể hiện *điều này* gắn với những chiến lược dẫn dắt. Đây là vấn đề cốt tử của LNVV. Không có *điều này* gắn với những chiến lược dẫn dắt thì không thể có LNVV và ngược lại. Vậy thì việc tổ chức điểm nói vòng trong ngôn thoại thực chất là tổ chức *dẫn dắt*. Bởi, theo nguyên tắc, *điều này* được tổ chức một cách hiển lộ

trên bề mặt ngôn thoại thì bao giờ cũng phát triển theo định hướng của chiến lược dẫn dắt. Do đó, nó là cái phần *xác* (*basar*), còn cái phần *hồn* (*nephes*) tức *điều khác* thì nằm trong cái vỏ bọc của cái phần *xác* ấy. Vậy căn cứ vào đâu để biết trong cái phần *xác* có cái phần *hồn* là *điều khác*? Để trả lời câu hỏi này có mấy căn cứ:

Thứ nhất, khi hội thoại, cái hiện thực đề tài, tức sự kiện được nói tới có những cấp độ khác nhau: Cấp độ sự kiện thuần túy và cấp độ sự kiện chứa tiềm năng ngữ dụng. Nghĩa là xem sự kiện được nói ra trong lời có giữ đúng tính thông tin đích thực như vốn có hay không. Nói khái quát, khi chỉ dừng ở sự kiện Y mà tổ chức câu chữ chưa dẫn tới thông tin X. Đó chính là phần *xác*, tức *điều này*.

Thứ hai, khi được *phóng chiếu* (*project*) với tình thế, tức bối cảnh thực hữu của cuộc thoại và với ngữ huống, thì sự kiện Y ấy mang tiềm năng ngữ dụng có khả năng dẫn xuất tới một thông tin mới, thông tin X hoặc Z. Thông tin X hoặc Z này, trong tình thế giao tiếp ấy chính là *y định nói*. Đó chính là phần *hồn*, tức *điều khác*.

Thứ ba, trong quá trình hội thoại, người nói lựa chọn một hệ quy chiếu³ và tin rằng hệ này làm cơ sở truyền thông báo tới người nhận là cách tốt nhất, thuyết phục hơn cả để xây dựng các phát ngôn mang tính định hướng nghĩa nhất định và tạo ra một chương trình, một kế hoạch lập luận chi phối tính liên kết của ngôn thoại. Vì thế, trên bề mặt ngôn thoại, có thể tìm thấy những tín hiệu ngôn ngữ đánh dấu cho các quan hệ định hướng lập

luận hay định hướng ngữ nghĩa dựa trên một hệ quy chiếu xác định và làm người nghe nhận thức được *điều khác*.

Thứ tư, khi tham thoại, mỗi bên đều phải mặc nhiên tuân thủ những định hướng lớn nhất về tiền giả định hội thoại và chủ đề hội thoại. Đây là những điều kiện chế định sự tổ chức hay sự tham gia của các tham thoại dẫn tới sự tương thích giữa các lượt lời, tạo nên sự quy tụ hội thoại (*convergence conversation*). Nếu không sẽ dẫn tới tình trạng bất tương thích giữa các lượt lời, và tạo ra sự phân li hội thoại (*divergence conversation*).

2.3.2. Điểm nói vòng âm

Nếu ở điểm nói vòng hiện, định hướng dẫn tới kết luận hoặc nhận thức khá rõ trên bề mặt ngôn thoại thì ở điểm nói vòng âm, mọi việc lại trở nên không đơn giản vì chúng bị chìm khuất phía sau lời. Sự giải mã nó, vì vậy, chỉ có thể được khi tìm thấy mối quan hệ giữa thông tin sự kiện với tình thế và với ngữ huống. Xét thí dụ:

(3) Biết bạn mình vừa mới về quê lên, sinh viên A nói với sinh viên B:

A- *Cậu về quê lên trông vui nhỉ?*

B- *Mẹ tớ cho tớ chi 300 ngàn đồng.*

Tham thoại hỏi ở đây không yêu cầu trả lời trực tiếp vào điểm hỏi vui hay không vui vì hiệu lực gián tiếp là một lời dò hỏi về tiền bạc, bởi tiền giả định bách khoa cho biết trong thực tế đời sống, sinh viên về quê thường tìm sự giúp đỡ vật chất và tiền bạc của gia đình. Vậy thì từ thực tế ấy và ngữ huống lời thoại cho phép B hiểu đúng hàm chi của A. Do áp lực

của nguyên lí tế nhị, A muốn khai thác thông tin tiền bạc để ngụ ý muốn nhờ cậy vay mượn. Tiếp nhận được ngụ ý này, và để bác bỏ nó, B đưa ra phát ngôn mà dưới tác động của từ *chi* trong cấu trúc định hướng *chi 300 ngàn* với nghĩa là ít, rất ít sẽ dẫn đến kết luận "*không thể R được*". Như vậy, B đã làm tròn trách nhiệm ở cả ba phương diện mà A không thể bác bỏ hay chê trách được. Đó là trách nhiệm cung cấp những chứng cứ hiển nhiên để xác lập tính đúng đắn của P (niềm tin về sự có tiền), P sẽ dẫn đến kết luận R (niềm tin có lượng tiền ít) để hệ quả có được là "*ít P thì không R*" (bác bỏ việc không có khả năng cho mượn tiền).

Vậy, có thể định nghĩa *điểm nói vòng ẩn* như sau: *Điểm nói vòng ẩn* (*covert point of circumlocution*) là điểm tạo nên trong phát ngôn của *điều này*, được trình bày dưới hình thức không tường minh, chứa đựng những tiền giả định hay hàm chỉ mà qua đó, nó chỉ phối sự tiếp nhận của người nghe khi hiểu lấy *điều khác*.

Trong thực tế, với những tình thế đối thoại khác nhau, những con người đối thoại cụ thể khác nhau, cái *điều này* mà chúng ta nói ra nhiều khi không chỉ dừng ở hiểu một *điều khác* cụ thể mà còn muốn người nghe hiểu thêm những *điều khác* nào đó nữa. Để thực hiện điều ấy, người ta phải tăng cường tính hiệu quả. Có nhiều chiến thuật được áp dụng trong đó sự tăng cường về tính hiển nhiên những đặc điểm, thuộc tính của sự vật sự kiện, hiện tượng - tức hiện thực -

đề tài được mô tả - cốt để chúng có một chất lượng mới. Mà chất lượng mới của nó có khi lại được khai thác ngay từ chính ngữ huớng của cuộc thoại. Xét thí dụ:

(4) Anh Can bật đứng dậy, bẻ ngón tay răng rắc rồi nói áp ứng:

A₁ - *À Ngò cho tôi hỏi một chuyện.*

Chị Ngò dừng tay ngược nhìn. Anh Can nói nhanh:

A₂ - *Để cho tôi đóng cho á cái giường mộc thật to, thật chắc, á có ưng không?*

Chị Ngò ngó ra, mặt đỏ chín, rồi đồng đánh đáp:

B₁ - *Thôi chà, tôi ở vậy nuôi con thôi. Ở với anh thì được gì kia chứ?*

Anh Can nói vội vàng, giọng tin tưởng:

A₃ - *Tôi chữa nhà, tôi đan lưới cho, tôi lại biết dỡ thang Cò, rồi tôi làm cho hẳn nhiều đồ chơi, nhiều nhiều kia!*

(Bùi Hiền, *Năm vạ*, tr.138)

Để hiểu những lời tỏ tình vừa mạnh bạo, kiên quyết, vừa kín đáo tế nhị giữa anh Can đối với chị Ngò, vốn khởi phát từ một điểm nói vòng thực sự: "*đóng cho á cái giường mộc thật to, thật chắc*" ở tham thoại A₂, mà trước đó, tham thoại phụ dẫn A₁ đóng vai trò của lời gợi chuyện. Nhờ hành vi từ chối thể hiện trong tham thoại B₁ mà ta biết B đã hiểu được hành vi ngỏ lời của A, tức là hiểu được hiệu lực gián tiếp thông qua việc nói chuyện đóng giường ở A₂ có ý định nói là một *điều khác*: chuyện hôn nhân.

Tuy ý định nói này của A bị phát hiện nhưng A vẫn không đổi chiến thuật mà lại càng quyết liệt hơn, kiên quyết hơn, vì thế vai trò *dấn dấn* của A được thể hiện một cách rõ ràng nhằm đạt được mục đích thông qua việc trình bày hàng loạt những sự việc cụ thể như chuyện *đóng giường, chữa nhà, đan lưới, làm đồ chơi* cho trẻ với mục đích tác động tới tâm lí, tới niềm tin của đối tượng bởi chị Ngò là một phụ nữ từng trải qua cuộc sống gia đình riêng. Mà những cái A đề cập đến chính là *điều này*. Chúng chi là lớp sự kiện bề mặt, là lớp vỏ bọc của ý định nói: *Tôi muốn cô lấy tôi*. Ý định nói ấy rõ ràng nó nằm ở tầng sâu ngữ nghĩa của lời, chìm khuất phía sau lời. Nếu thay A_2 , A_3 bằng những lời nói thẳng tuột, chẳng hạn: *Cô bằng lòng lấy tôi đi rồi tôi sẽ làm hết mọi việc cho cô...* thì những lời tỏ tình, lời đề nghị ấy của anh Can sẽ trở nên sỗ sàng, thô vụng, thậm chí khiếm nhã trước một người phụ nữ từng trải và có lẽ cuộc tỏ tình ấy khó thành công. Trong lúc đó, với hình thức là nói những chuyện làm việc này việc khác nhưng ẩn sâu bên trong là cái điều hệ trọng mà A muốn nói đây là một lời tỏ tình quyết liệt, mạnh bạo. Sở dĩ B hiểu được A là nhờ bối cảnh tình thế, nhờ sự xác lập mối quan hệ giữa hai chủ thể giao tiếp và cả sự lựa chọn sắp xếp các thông tin sự kiện trong mỗi tham thoại.

Qua đó, chúng ta thấy, mặc dù không có yếu tố định hướng trên bề mặt tham thoại nhưng các đối tác vẫn có thể luận giải ý nghĩa của chúng thông qua những điều kiện tình thế

nhất định. Một điều khác cũng dễ nhận thấy là: Do áp lực của nguyên lí tế nhị, để tránh xúc phạm thể diện, cái điều nói không tường minh trong phát ngôn của người hội thoại vì không được cung cấp những chứng cứ hiển nhiên nên đòi hỏi phải chọn lọc những yếu tố mà mình tin rằng chúng có khả năng dẫn xuất đến một kết luận R nào đó. Mà điều đó phụ thuộc rất nhiều vào cảm quan ngôn ngữ và cảm quan đời sống mà mỗi thoại nhân có được trong quá trình hội thoại.

Từ sự phân tích trên, có thể nhận định rằng: Việc thiết lập *điểm nói vòng ẩn* là một thao tác tổ chức mà người nói cố ý sử dụng những yếu tố tiền giả định hay hàm chỉ vào trong *điều này* mà ở đó chúng chi phối sự tiếp nhận của người nghe. Muốn hiểu *điều khác*, người nghe phải nỗ lực suy luận thông qua sự quy chiếu với tình thế giao tiếp và với những tín hiệu được định hướng trong ngữ huống.

3. Đặc điểm nhận diện điểm nói vòng trong cơ chế hoạt động của lối nói vòng vo

Sự cơ động, uyển chuyển và linh hoạt của điểm nói vòng trong các chiến lược của LNVV đã minh chứng cho hiệu quả của lối nói này trong giao tiếp của người Việt. Qua quan sát từ thực tế giao tiếp và khảo sát ngữ liệu, chúng tôi thấy điểm nói vòng nổi lên mấy đặc điểm:

1) Điểm nói vòng bao giờ cũng tồn tại ở khu vực các phát ngôn. Nói cách khác, phát ngôn/ tập hợp phát ngôn trong hệ tôn ti hội thoại là nơi lưu chứa các điểm nói vòng. Mặt khác,

do có quan hệ mật thiết với chiến lược lập luận, tức với vai trò dẫn dắt của người nói nên có thể phân chia phát ngôn trong ngôn thoại thành hai loại: phát ngôn *chủ dẫn* (*primary utterance*) và phát ngôn *phụ dẫn* (*secondary utterance*). Điều đó đồng nghĩa với việc, khi lập mã và giải mã LNVV, có thể xuất phát từ đường dây các mối liên hệ bên trong giữa các phát ngôn này để tìm thấy phát ngôn chủ dẫn với phát ngôn phụ dẫn và từ đó, có thể xác định chính xác vị trí của các điểm nói vòng.

2) Điểm nói vòng chủ yếu nằm ở vị trí của phát ngôn chủ dẫn. Phát ngôn chủ dẫn là phát ngôn gắn bó mật thiết với chiến lược dẫn dắt, là nơi tập trung các quan hệ sự kiện và quan hệ liên cá nhân trong *điều này*, đồng thời là đầu mối liên hệ, kết nối với *điều khác*. Còn phát ngôn phụ dẫn thì có mức độ tham gia ít vào việc biểu hiện nội dung sự kiện và tính chất dẫn dắt yếu (chủ yếu do chúng nằm trong mạch lạc của tuyến dẫn dắt). Chính vì vậy, các nhân vật giao tiếp thường căn cứ vào mức độ tham gia nhiều/ ít của hoạt động ngữ dụng của hai loại phát ngôn đó khi thiết lập các quan hệ sự kiện trong *điều này*.

3) Điểm nói vòng có xu hướng quy tụ (convergence). Toạ độ của điểm nói vòng tập trung ở các phát ngôn *chủ dẫn*. Điều đó cũng có nghĩa là các phát ngôn phụ dẫn chủ yếu biểu hiện quan hệ liên cá nhân. Vậy thì chức năng, vai trò của phát ngôn trong lượt lời, trong toàn bộ ngôn thoại rõ ràng là có sự khác nhau. Kết luận đó

có thể coi là, một sự phản biện đối với lí thuyết quan yếu của D. Wilson và D. Sperber khi cho "Tất cả các phát ngôn đều có tính quan yếu"⁵.

4) Điểm nói vòng có kích thước có thể bằng hoặc nhỏ hơn một phát ngôn hay bằng nhiều phát ngôn của một/ hơn một lượt lời. Biên độ hoạt động và sự thay đổi về dung lượng của nó tùy thuộc vào sự tương tác giữa các nhân vật giao tiếp và tương tác giữa nội dung trao đổi mà điểm nói vòng có thể chỉ ở một lượt lời hoặc kéo dài nhiều lượt lời.

5) Điểm nói vòng có sức cơ động, uyển chuyển, linh hoạt và là nơi biểu hiện rõ rệt nhất, tập trung nhất mối quan hệ với đích hướng dụng, với vai trò chủ động dẫn dắt của người nói trong diễn ngôn. Nói cách khác, điểm nói vòng bao giờ cũng chứa một mục đích hướng dụng nhất định và nằm trong một kiểu tổ chức lập luận nhất định. Việc nhận diện các điểm nói vòng, vì thế, không thể tách rời các yếu tố bên trong và bên ngoài này.

6) Điểm nói vòng có thể nổi lên trên bề mặt ngữ nghĩa của phát ngôn hoặc chìm đi, tàng ẩn phía sau các tổ hợp lời nói của ngôn thoại, xét từ giác độ kết cấu tuyến tính của chuỗi lời. Điều đó có nghĩa là *điều này* có thể được người nói thực hiện bằng phương thức hiển hiện hoặc bằng phương thức ngầm ẩn. Do vậy, khi xác định toạ độ của điểm nói vòng, nhất thiết phải tìm tới những điểm mạnh, điểm nổi bật đó của ngôn thoại.

7) Điểm nói vòng luôn tuân thủ cơ chế tạo nghĩa và luận nghĩa của LNVV. Theo đó, cơ chế này đặt ra nguyên tắc, khi có điểm nói vòng xuất hiện, muốn nhận thức chủ đích của nó, tức ý định nói, nhất thiết phải dùng thao tác suy ý. Sự suy ý này luôn tuân theo nguyên tắc chiếu xạ với hiện thực được nói đến, với cách tổ chức câu chữ, với tình thế và với ngữ hướng. Do tính liên kết (coherence) giữa các phát ngôn trong chuỗi lời cũng như mạch lạc (cohesion) của các thông tin sự kiện được tổ chức, sắp xếp trong mỗi phát ngôn nên cái *điều khác* tuy không hiển hiện ở bề mặt phát ngôn nhưng lại là yếu tố xuyên suốt mọi đơn vị lớn nhỏ của lời, là linh hồn của ngôn thoại.

8) Điểm nói vòng là phương tiện, là công cụ của các chiến lược dẫn dắt mà người tham gia giao tiếp trực tiếp thể hiện. Biểu hiện cụ thể là các chiến lược tác động vào thông tin bề mặt thì dùng các điểm nói vòng hiện; những chiến lược tác động vào thông tin bề sâu thì dùng các điểm nói vòng ẩn. Qua việc thiết lập các điểm nói vòng, chúng sẽ cho biết cách thức thực hiện cùng những thao tác tổ chức, thao tác sử dụng các yếu tố ngôn ngữ nhằm tạo ra một bộ phận quan trọng của *điều này* mà từ đó nó định hướng hay chi phối sự tiếp nhận *điều khác* đối với người tham gia giao tiếp.

Từ những điều đã trình bày ở trên, có thể thấy, LNVV có một phương tiện diễn đạt hết sức hiệu quả, đó là điểm nói vòng. Sự tồn tại của nó trong

phát ngôn, trong hệ tôn ti hội thoại như cái neo thả vào giữa phát ngôn để neo móc sự kiện giữa *điều này* và *điều khác*, neo móc vào quan hệ liên cá nhân, neo móc vào tình thế không gian, thời gian và ngữ hướng của tiến trình hội thoại. Từ điểm nói vòng đó, cách tổ chức các yếu tố ngôn ngữ, nội dung, hình thức cấu trúc và cả các chiến lược của LNVV cũng được bộc lộ, nhận diện và xác định, sự lập mã và giải mã của LNVV, vì vậy, cũng được làm sáng tỏ. Đồng thời, qua sự hoạt động cơ động và uyển chuyển, linh hoạt của cách tổ chức ngôn từ ấy, tính đặc thù của LNVV so với các lối nói khác càng được khẳng định. Đây là điều hết sức thú vị, góp phần chứng minh được tính đúng đắn của định đề về phương diện tổ chức lời nói mà mọi người từng mặc nhiên thừa nhận “Nội dung nói gần như có tác động ít hơn cách nói” (Voltaire).

CHÚ THÍCH

¹ Nguyễn Đức Dân [5a, 72] đã mô tả cấu trúc này khá rõ. Tuy nhiên, trong LNVV, loại câu hỏi này không dùng để kiểm tra thông tin, kiểm tra nhận thức hay nằm trong một chương trình lập luận nào mà chủ yếu tạo dựng mối quan hệ liên cá nhân, chuẩn bị điều kiện cho một chiến lược dẫn dắt nào đấy của người đối thoại.

² P. Grice cho rằng, tính chất của phát ngôn trong quan hệ với phát ngôn khác là không giống nhau nên phát ngôn quan yếu là *phát ngôn có liên quan, dính líu đến đề tài, đến đích, đến phương hướng của cuộc thoại*.

³ Nguyễn Quang [7, 144] cho rằng hệ quy chiếu có tám điểm: *Người nghe,*

Vật nghe, Người được quy chiếu, Người đứng bên, Vật được quy chiếu, Khung cảnh được quy chiếu, Không gian được quy chiếu và Thời gian được quy chiếu.

⁴ D. Wilson và D. Sperber cho rằng: *Tất cả các phát ngôn xuất hiện trong cuộc thoại, bất kể nó ở vị trí nào đều có tính chất quan yếu, do thế người nghe luôn phải nỗ lực xác định tính quan yếu của nó thông qua việc đối chiếu với tri thức nền để suy ý từ nghĩa của phát ngôn mà tìm ra tính quan yếu của phát ngôn ấy. Nói cụ thể, một phát ngôn càng quan yếu khi nó càng làm giàu thêm hay làm thay đổi càng nhiều hiểu biết và quan niệm của người nghe.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown G., Yule G., *Phân tích diễn ngôn*, Nxb ĐHQG HN, 2001.
2. Grice, P., *Syntax and Semantics, Logic and conversation*, Vol.3, Speech Acts, NewYork, 1975.
3. Hồ Lê, *Quy luật ngôn ngữ, (Q.II) Tính quy luật của bộ máy ngôn giao*, Nxb KHXH, H., 1996.
4. Nguyễn Đăng Khánh,
 - a. *Lối nói vòng vo - nhìn từ quan điểm giao tiếp*, T/c Ngôn ngữ, Số 5, 2005.
 - b. *Cấu trúc của lối nói vòng vo*, T/c Ngôn ngữ, Số 9, 2007.
 - c. *Lối nói vòng vo - một vấn đề nghiên cứu lí thú*, T/c Giáo dục, Số đặc biệt 11, 2007.
 - d. *Các chiến lược của lối nói vòng vo*, T/c Ngôn ngữ, Số 5, 2014.
5. Nguyễn Đức Dân,
 - a. *Ngữ dụng học (Tập 1)*, Nxb GD, H. 1998.
 - b. *Nhập môn lôgic hình thức và phi hình thức*, Nxb ĐHQG HN, 2005.
6. Nguyễn Đức Tồn, *Tìm hiểu đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với các dân tộc khác)*, Nxb ĐHQG HN. 2002.
7. Nguyễn Quang, *Một số vấn đề giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá*, Nxb ĐHQG HN, 2003.
8. Nguyễn Thiện Giáp, *Phân tích hội thoại*, Viện thông tin KHXH, H., 2002.
9. D. Nunan , *Phân tích diễn ngôn*, Nxb GD, H. 1998.
10. D. Wilson and D. Sperber, *Relevance: Communication and Cognition*, Basil, Blackwell Oxford, 1986.